

Ảnh hưởng của quyền sở hữu trí tuệ đến tăng trưởng kinh tế ở châu Á và định hướng tăng trưởng xanh ở Việt Nam^(*)

TS. HÀ CÔNG ANH BẢO*

Bài viết phân tích tác động của quyền sở hữu trí tuệ (IPR) đối với sự tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển dựa trên dữ liệu chuỗi thời gian từ năm 2007 đến năm 2014 của 14 nước châu Á, đây là những quốc gia có chỉ số về quyền sở hữu trí tuệ tại châu Á. Kết quả nghiên cứu cho thấy quyền sở hữu trí tuệ hiện đang có tác động tiêu cực đối với tăng trưởng kinh tế tại các nước châu Á, trong đó có Việt Nam. Mặc dù vậy, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ lại là yêu cầu tất yếu của hội nhập kinh tế quốc tế. Từ bối cảnh trên, bài viết đề xuất những định hướng phát triển theo hướng xanh hóa nền kinh tế thông qua quyền sở hữu trí tuệ đồng thời hạn chế tác động tiêu cực của quyền này.

Từ khóa: Quyền sở hữu trí tuệ, tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng xanh.

1. Đặt vấn đề

Quá trình chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế nhiều thành phần hoạt động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang mang đến những thành tựu tăng trưởng cao liên tục ở Việt Nam trong gần 30 năm qua, giúp Việt Nam vượt ngưỡng những nước có thu nhập thấp lên ngưỡng thu nhập trung bình¹, đồng thời phát

triển nền sản xuất và cải thiện mức sống của người dân. Tuy nhiên, những thành tựu phát triển kinh tế trong những năm qua cũng để lại rủi ro trước mắt và tiềm ẩn như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tình trạng bất bình đẳng, nghèo đói, tăng trưởng dân số và đô thị hóa nhanh, thiếu cơ sở hạ tầng cơ bản...² Những rủi ro này đòi hỏi một sự thay đổi nhận thức căn bản về tăng trưởng và phát triển. Việt Nam cũng như nhiều nước khác ở châu Á đang tìm kiếm các mô hình tăng trưởng mới nhằm

* Trường Đại học Ngoại thương.

^(*) Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số II4.5- 2012.02.

¹ Theo đánh giá của World Bank: <http://www.data.worldbank.org/country/vietnam> truy cập ngày 04/01/2016.

² Đánh giá của Viện Xã hội học, Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam: http://www.ios.vass.gov.vn/noidung/gioithieu/Lists/DinhHuongNghienCuu/View_Detail.aspx?ItemID=3 truy cập ngày 04/01/2016.

đảm bảo phát triển bền vững hơn, cải thiện chất lượng cuộc sống trong thời gian hiện tại, đồng thời bảo tồn được tài nguyên thiên nhiên, tăng tiềm năng cho tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Tăng trưởng xanh là một cách tiếp cận như vậy, nó có thể tích hợp được những cân nhắc về môi trường và các giá trị của vốn tài nguyên vào quá trình ra quyết định về kinh tế và quy hoạch phát triển. Đi theo con đường tăng trưởng xanh có thể đảm bảo cho các nước đang phát triển một tương lai thịnh vượng, ổn định và bền vững hơn³.

Năm 2012, Ủy Ban Phát triển Kinh tế và Xã hội của Liên hợp quốc⁴ (UNDESA) đã xuất bản Sổ tay hướng dẫn về Kinh tế xanh⁵, trong đó UNDESA đã đưa ra một hệ thống các loại giải pháp chính sách tăng trưởng xanh⁶, bao trùm các khía cạnh về nền kinh tế xanh và các giải pháp chính sách bổ sung nhằm giải quyết 3 vấn đề phát triển bền vững, sử dụng định dạng trực giác dựa trên “6 chữ I” trong tiếng Anh: Internalising (Nội lực hóa), Incentivising (Ưu tiên), Institutions (Thế chế), Investment (Đầu tư), Information (Thông tin) và Inclusion (Gộp/lồng ghép). Cụ thể hơn, 6 nhóm giải pháp này còn phân ra 20 loại chính sách bổ sung cụ thể để tăng trưởng xanh, trong đó Quyền sở hữu trí tuệ⁷ (IPRs) và các luật về quyền tiếp cận là một trong những thế chế đóng vai trò quan trọng đối với chiến lược tăng trưởng xanh nền kinh tế. Bài viết này, tập trung nghiên cứu về Quyền sở hữu trí tuệ và ảnh hưởng của bảo hộ Quyền sở hữu trí tuệ đến tăng trưởng kinh tế ở các nước châu Á, từ đó đưa ra các khuyến nghị

trong bối cảnh Việt Nam đang hướng tới phát triển tăng trưởng xanh.

2. Cơ sở lý thuyết

Theo Tổ chức Bảo hộ Quyền Sở hữu thế giới (WIPO) thì sở hữu trí tuệ là những sản phẩm sáng tạo của bộ óc con người như sáng chế, công trình văn học nghệ thuật, biểu tượng, hình ảnh, thiết kế dùng trong thương mại⁸... Khi bàn về con đường dẫn đến một nền kinh tế xanh, không thể không nhắc đến vấn đề sở hữu trí tuệ và sở hữu trí tuệ đã được xem như là một động lực cho phát triển kinh tế xanh. Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất được tổ chức tại Rio de Janeiro năm 1992 có một số thỏa thuận đáng ghi nhớ, như Tuyên bố Rio về môi trường và phát triển, Chương trình Nghị sự 21, Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC), Công ước về đa dạng sinh học, và Các nguyên tắc về rừng. Những thỏa thuận này đều đã cân nhắc đến mối quan hệ giữa sở hữu trí tuệ, phát triển bền vững, và môi trường. Theo đó, Chương trình Nghị sự 21 đã đề cập “phải tính đến vai trò của việc bảo vệ bằng sáng chế và các quyền sở hữu trí tuệ cùng với việc kiểm tra tác động của chúng đến việc sử dụng và chuyển giao các công nghệ có lợi cho môi trường, cụ thể là sang các quốc gia đang phát triển”⁹ và cũng khuyến khích chuyển giao công nghệ, lên kế hoạch “một mạng lưới hợp tác của... các trung tâm nghiên cứu quốc tế về các công nghệ có lợi cho môi trường”¹⁰. Dự thảo văn kiện Hội nghị Rio+20 của WIPO ghi nhận rằng: “Phải tính đến vai trò của việc bảo vệ bằng sáng chế và các quyền sở hữu trí tuệ cùng với việc kiểm tra tác động của chúng đến việc sử dụng và chuyển giao các công nghệ có lợi cho môi trường, cụ thể là sang các quốc gia đang phát triển”¹¹.

³ Vũ Văn Hòa (2014): *Kinh tế xanh: Tiêu chí để định hình và chính sách phát triển*, Hội thảo khoa học Phát triển kinh tế xanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ: Những vấn đề đặt ra trong khuôn khổ Đề tài “Khai thác tài sản trí tuệ phát triển nền kinh tế xanh ở Việt Nam - Tầm nhìn 2030” do Quỹ Nafosted tài trợ, trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội ngày 14/3/2014.

⁴ Tên tiếng Anh là: United Nations Department of Economic and Social Affairs.

⁵ Tên tiếng Anh là: A Guide book to Green Economy

⁶ UNDESA (2012): A Guidebook to Green Economy

⁷ Tiếng Anh là: Intellectual property right

⁸ <http://www.wipo.int/about-ip/en/>, truy cập ngày 04/01/2015

⁹ http://www.unesco.org/education/nfsunesco/pdf/RIO_E.PDF, truy cập ngày 04/01/2015

¹⁰ nt

¹¹ *Rio+20: Ai sở hữu "Nền Kinh Tế Xanh"?*, Cao Tien Hai đăng 19:47 28-06-2012 (đã cập nhật 02:57 06-08-

Rõ ràng, với mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững, nâng cao mức sống và công bằng xã hội thì thế giới đang nhấn mạnh đến vai trò và đặt ra một trọng trách, kỳ vọng không hề nhỏ cho hoạt động sở hữu trí tuệ và phát triển các tài sản trí tuệ, xem đó như là một động lực mạnh, có tính quyết định đến quá trình hình thành và phát triển nền kinh tế xanh. Sẽ không có kinh tế xanh khi mà không có các công nghệ mới, các sáng chế và năng lực bảo tồn các giá trị truyền thống bản địa. Những vấn đề này gắn trực tiếp với các nội dung về sở hữu trí tuệ. Các quốc gia cần có chính sách tạo điều kiện phát triển hoạt động sáng tạo, bảo hộ hợp lý và gia tăng các tài sản trí tuệ.

Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, nếu quốc gia có bảo hộ trí tuệ mạnh thì sẽ tác động tích cực đến phát triển kinh tế (WIPO, 2004; Kumar, 2002). Có thể thấy rõ quyền sở hữu trí tuệ ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế rõ nhất ở 3 góc độ sau: *Thứ nhất*, quyền sở hữu trí tuệ là một phần của cơ sở đầu vào của nghiên cứu và phát triển (R&D) để đổi mới và tăng trưởng kinh tế (Grossman và Helpman, 1991; Kanwar, 2006). Rõ ràng, quyền sở hữu trí tuệ cho phép các công ty tạo ra sự khác biệt cho sản phẩm của họ so với sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh, cũng như có được mức độ độc quyền bình đẳng giúp giảm rủi ro và bất trắc liên quan đến việc giới thiệu sản phẩm mới hoặc cải tiến ra thị trường. Đặc biệt, các quyền được hệ thống sở hữu trí tuệ tạo ra cho phép chủ sở hữu có được sự độc quyền đối với bí mật thương mại, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, sáng tạo văn học và nghệ thuật của họ, theo đó, làm giảm khả năng sao chép hoặc bắt chước của đối thủ cạnh tranh, làm tăng cơ hội thực tế trong việc thương mại hóa sản phẩm mới và cải tiến; giải quyết một

cách có hiệu quả xung đột bất kỳ liên quan đến sở hữu trí tuệ của họ.

Thứ hai, đầu tư nước ngoài sẽ tác động đến quyền sở hữu trí tuệ. Trong nghiên cứu của Taylor SM (1994) chỉ ra rằng với việc tăng cường hệ thống sở hữu trí tuệ ở các nước đang phát triển đã trực tiếp khuyến khích chuyển giao công nghệ cao từ các nước phát triển thông qua hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và khuyến khích nhập khẩu công nghệ cao sẽ giúp cải tiến các nhân tố sản xuất. Báo cáo Ủy ban Quyền sở hữu trí tuệ¹² (CIPR, 2002) cũng nhấn mạnh việc tăng cường quyền sở hữu trí tuệ ở các nước nghèo nhất thế giới có thể giúp kích thích sáng chế và các công nghệ mới, từ đó dẫn đến sự gia tăng sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, đầu tư trong nước và FDI, đó là yếu tố quyết định quan trọng của tăng trưởng kinh tế.

Thứ ba, bằng cách cấp quyền độc quyền tạm thời đối với sáng chế, quyền sở hữu trí tuệ cho phép chủ sở hữu sáng chế định giá sản phẩm của họ dựa trên chi phí cận biên và trên cơ sở đó thu lại chi phí đầu tư nghiên cứu của họ. Sự bảo hộ độc quyền tạo động lực cho việc thực hiện nghiên cứu và phát triển (R&D), góp phần vào thúc đẩy đổi mới công nghệ, chuyển giao và phổ biến công nghệ một cách có lợi cho phúc lợi kinh tế xã hội¹³. Theo ghi nhận của Greenspan (2004) và Boldrin và Levine (2002), nền kinh tế thị trường đòi hỏi có một quy định luật pháp rõ ràng, và không có một đơn vị kinh tế nào nỗ lực nâng cao năng lực sản xuất của họ nếu không có được sự chắc chắn trong việc kiểm soát thành quả của họ. Do đó, việc tăng cường quyền sở hữu trí tuệ sẽ đảm bảo rằng các nguồn lực của một quốc gia sẽ được sử dụng một cách có giá trị nhất. Theo báo cáo của Diễn đàn Cạnh tranh kinh tế toàn cầu (2004 - 2005), 20

2012), tại trang web <https://sites.google.com/site/chungtayvihanhtinhxanh/su-kien-y-tuong-tin-tuc-su-kien/rio20-ai-so-huu-nen-kinh-te-xanh> (Theo Matthew Rimmer, Đại học Quốc gia Australia). truy cập ngày 03-1-2016.

¹² Tiếng Anh: Commission on Intellectual Property Rights.

¹³ Leger A, 2006, Intellectual Property Right and Innovation in developing Countries: Evidence from Panel Data. Proceedings of the German Development Economics Conference, Berlin.

trong số 27 quốc gia có chỉ số tăng trưởng cạnh tranh cao nhất có hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nghiêm ngặt nhất, và 20 trong số 36 quốc gia có chỉ số cạnh tranh thấp lại có hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ yếu nhất năm 2004.

Ngân hàng Thế giới (2005) cũng báo cáo rằng từ những năm 1980, các nước đang phát triển đã đạt được lợi ích kinh tế nhiều nhất thế giới từ việc mở cửa nền kinh tế để tiếp cận công nghệ và các hình thức kinh doanh nước ngoài và hơn nữa, các quốc gia này có chế độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ rất mạnh.

Tuy nhiên, cũng có nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, chế độ Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ mạnh có thể có các tác động tiêu cực đến sự phát triển của các nước đang phát triển vì các nước này có ít hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) và không có công nghệ phát triển (CIPR, 2002; Shapiro and Hassett, 2005). Horii và Iwaisako (2007) cho rằng việc tăng cường quyền sở hữu trí tuệ làm giảm tăng trưởng ở các nền kinh tế thiếu công nghệ, đặc biệt là khi nó làm giảm sự bất chước. Kết quả là một chế độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ mạnh chỉ có tác dụng để chuyển lợi nhuận cho các công ty nước ngoài hơn là khuyến khích hoạt động sáng tạo trong nước. Hơn nữa, sự bảo hộ có thể làm một số công ty chỉ tập trung nguồn lực để bảo vệ sáng kiến ban đầu chứ không đầu tư phát triển sản phẩm mới, do đó hạn chế sản lượng mà xã hội mong muốn dẫn đến những hậu quả tiêu cực đối với phúc lợi của người tiêu dùng (Shapiro và Hassett, 2005). Dựa vào các quan điểm khác nhau trong nghiên cứu thực nghiệm, bài viết này phân tích tác động của quyền sở hữu trí tuệ đối với tăng trưởng kinh tế dựa trên số liệu của 14 nước châu Á.

3. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Bài viết phân tích tác động của quyền sở hữu trí tuệ (IPR) đối với sự tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển dựa trên dữ liệu chuỗi thời gian từ năm 2007 đến năm 2014 của 14 nước châu Á, đây là những quốc gia có chỉ số

về quyền sở hữu trí tuệ tại châu Á. Phân tích thực nghiệm của bài viết này dựa trên các nghiên cứu kinh tế và quyền sở hữu trí tuệ trước đó (Leger, 2006; Falvey et al., 2006; Chen and Puttitanum, 2005) và sử dụng hàm hồi quy sau:

$$GR = \beta_0 + \beta_1 LGPC_{it} + \beta_2 LTRADE_{it} + \beta_3 FDI_{it} + \beta_4 GOV_{it} + \beta_5 INF_{it} + \beta_6 IPR_{it} + \mu_i + \varepsilon_{it}$$

Trong đó, GR là tỷ lệ tăng GDP bình quân đầu người thực tế, LGPC là logarit của GDP bình quân đầu người thực tế, LTRADE là logarit của TRADE đo độ mở của nền kinh tế được thể hiện bằng tỷ lệ xuất khẩu và nhập khẩu trên GDP, FDI là tỷ lệ đầu tư trực tiếp nước ngoài trên GDP, GOV là tỷ lệ chi tiêu của chính phủ trên GDP, INF là tỷ lệ lạm phát và IPR là chỉ số bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, μ_i là hằng số thể hiện sự ảnh hưởng khác nhau của các biến giải thích lên biến phụ thuộc hay sự không đồng nhất giữa các nước còn ε là sai số. Chúng ta sử dụng mô hình tác động ngẫu nhiên (REM) với phương pháp ước lượng là phương pháp bình phương tổng quát với trọng số SUR để khắc phục sự tương quan giữa các sai số.

Chỉ số IPR của các quốc gia được tính toán dựa trên ba yếu tố: Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bảo hộ quyền sáng chế và mức độ vi phạm bản quyền ở các quốc gia. Chỉ số này bắt nguồn từ chỉ số trong luật Ginarte – Park bao gồm các yếu tố: i) mức độ bao phủ; ii) thành viên trong các hiệp định sáng chế quốc tế; iii) các điều khoản quy định về sự thiệt hại do không được bảo hộ; iv) cơ chế thực thi và v) thời hạn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Trong bài nghiên cứu này, Chỉ số IPR được lấy từ báo cáo “Giới thiệu về chỉ số quyền sở hữu trí tuệ quốc tế 2015” của Hernando De Soto¹⁴. Các chỉ số về GDP, FDI, TRADE, GOV, INF lấy từ báo cáo dữ liệu của Ngân hàng Thế giới (WB).

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Kết quả nghiên cứu được thể hiện ở Bảng 1, cho thấy hầu hết các hệ số ước lượng đều có

¹⁴ <http://www.internationalpropertyrightsindex.org/>

dấu ước lượng như kỳ vọng đã đặt ra. Biến hệ số IPR có dấu ước lượng là dấu âm, có ý nghĩa thống kê hay chỉ số bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của kinh tế. Kết quả này cho thấy Chỉ số IPR ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế ở các nước châu Á, hay hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ mạnh không phải là một yếu tố thuận lợi cho sự tăng trưởng kinh tế ở các nước này. Theo ghi nhận của Park và Ginarte (1997), các nước không có nhiều nghiên cứu sáng chế hoặc có số lượng các nghiên cứu sáng chế ít thường không được hưởng lợi hoặc không được hưởng lợi nhiều từ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, vì ở các nước này không có nhiều chủ sở hữu sáng chế ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế. Dù rằng, nói chung, quyền sở hữu trí tuệ sẽ khuyến khích phát minh, trên thực tế thì hầu hết phát minh công nghệ đều từ các quốc gia tiên tiến, do đó sự thắt chặt quyền sở hữu trí tuệ sẽ gây khó khăn cho các nước kém phát triển. Các nước này cũng lo ngại quyền sở hữu trí tuệ sẽ bị các nước giàu lạm dụng trong việc đăng ký bản quyền những tác phẩm văn hoá cổ truyền, những gen đặc chủng, có thể thương mại hoá. Hơn nữa, thực thi chế độ quyền sở hữu trí tuệ sẽ lấy nhiều nhân lực và ngân sách

có thể dùng vào những hoạt động phát triển khác. Nói tóm lại, nhiều nước cho rằng quyền sở hữu trí tuệ như được ấn định bởi các quốc gia tiên tiến sẽ gây khó khăn cho phát triển của họ, và chỉ có lợi cho nước giàu.

Ý kiến trên phù hợp với sự khẳng định của Helpman (1993), ông cho rằng khu vực phía Nam không hưởng lợi từ bảo hộ quyền sáng chế. Những người phản đối Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và Hiệp định TRIPS cho rằng chế độ bảo hộ quyền sáng chế ở các nước đang phát triển có tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế vì lợi thế thị trường và lợi thế giá đều thuộc về chủ sở hữu sáng chế (WIPO, 2003).

Kết quả từ Bảng 1 cũng chỉ ra độ mở của nền kinh tế, đầu tư nước ngoài, chi tiêu của chính phủ và lạm phát đều có ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế ở mức ý nghĩa 1%, tức là các yếu tố này là các yếu tố quyết định đến sự tăng trưởng kinh tế.

Biến LGPC có hệ số ước lượng âm có nghĩa là các nước có GDP thấp ở châu Á đang có tỷ lệ tăng trưởng nhanh hơn các nước có GDP cao trong khu vực này.

Bảng 1: Kết quả hồi quy sự ảnh hưởng của IPR đối với tăng trưởng kinh tế

Biến	C	FDI	GOV	LGPC	INF	IPR	LTRADE
Hệ số ước lượng	-15.804	2.580*	2.136*	-4.267*	0.082	-11.342*	8.789*
t-statistics	(-5.222)	(2.005)	(14.221)	(-8.141)	(1.138)	(-8.837)	(9.569)

$R_square=0.9$

*: có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5%

Bảng 2 cho kết quả về tác động ngẫu nhiên của các biến giải thích lên biến phụ thuộc, càng nhấn mạnh sự tăng trưởng khác nhau giữa các nước. Kết luận này phù hợp với thực tế và càng cho ta thấy rằng chế độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nên dựa vào điều kiện của mỗi quốc gia. Nhiều tác giả cho rằng thị trường hoàn toàn tự do sẽ có nhiều cách khuyến khích và đưa lợi ích của phát minh vào thực tế. Chẳng hạn, nhiều

phát minh, sáng tác chỉ cần động cơ lợi nhuận thúc đẩy. Hơn nữa, nhiều phát minh có bản chất không thể sao chép, và do đó quyền sở hữu trí tuệ do nhà nước cấp phát là không cần thiết. Song, đối với đa số các nhà kinh tế thì quyền sở hữu trí tuệ là cần thiết vì một khác biệt căn bản giữa sản phẩm trí tuệ và sản phẩm hiện vật, ở chỗ: khi sản phẩm trí tuệ được người này sử dụng thì mức hữu ích của nó cho người khác

vẫn không suy giảm. Với sản phẩm có đặc tính này, phúc lợi xã hội sẽ tăng theo số người sử dụng, song cơ chế thị trường, trong đó chỉ người mua là được phép sử dụng, lại không thể sử dụng như vậy. Do đó, quyền sở hữu trí tuệ, qua công khai hoá phát minh, cho mọi

người sử dụng miễn phí sau một khoảng thời gian nhất định, là một giải pháp cho những *thất bại thị trường* vì bản tính của sản phẩm trí tuệ¹⁵. Đây là lý do tại sao quyền sở hữu trí tuệ phải do nhà nước quyết định và phù hợp với từng quốc gia chứ không phải do thị trường quyết định.

Bảng 2: Tác động ngẫu nhiên của các biến giải thích lên tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế¹⁶

Quốc gia	BGD	CHN	HKG	IDN	IND	JPN	KAZ
Tác động	6.407	3.800	-0.137	0.793	0.549	0.392	0.172
Quốc gia	MYS	NPL	PAK	PHL	SGP	THA	VNM
Tác động	6.771	-3.927	-2.109	0.255	1.248	-12.888	-1.326

5. Khuyến nghị đối với tăng trưởng xanh ở Việt Nam

Để xây dựng một nền kinh tế phát triển bền vững tại Việt Nam trong giai đoạn hội nhập quốc tế và phục vụ hiệu quả quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, “phát triển kinh tế xanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ” cần được nghiên cứu nghiêm túc để đưa vào các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong thời gian tới¹⁷. Định hướng đó có thể được phản ánh thông qua kết quả khảo sát được tiến hành năm 2015 bởi nhóm nghiên cứu của trường Đại học Ngoại thương¹⁸ đối với 55 viện nghiên cứu tại Việt Nam theo đó có 39 viện nghiên cứu đã định hướng khai thác tài sản trí tuệ nhằm phát triển kinh tế

xanh, chỉ có 16 viện nghiên cứu là chưa đề cập đến vấn đề này. Như vậy, cho thấy Việt Nam sẽ đẩy mạnh khai thác tài sản trí tuệ để hướng tới tăng trưởng xanh, trong đó có những chính sách, quy định liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ. Hơn nữa, là thành viên của tổ chức WTO và tham gia hiệp định TRIPS, Việt Nam cũng cần có những động thái và luật lệ phù hợp với các tổ chức này.

Tuy nhiên như kết quả của mô hình nghiên cứu trên, có thể nói rằng khi Chỉ số IPRs càng cao thì càng ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế ở các nước châu Á, trong đó có Việt Nam. Nguyên nhân của tác động tiêu cực này là vì hầu hết các nước ở châu Á là các nước đang phát triển, nên số lượng các sáng chế ở các quốc gia này chưa nhiều, hầu hết sản phẩm ở các nước này đều là sản phẩm được mô phỏng lại hoặc là sản phẩm của tự nhiên. Chế độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ mạnh ở các quốc gia này có thể chỉ là bảo hộ về chi phí của các công ty nước ngoài hơn là bảo hộ các công ty nội địa. Do đó, muốn phát triển kinh tế xanh đòi hỏi Việt Nam phải đưa ra các chính sách bảo hộ quyền sáng chế phù hợp với sự phát triển kinh tế của mình. Ví dụ trường hợp

¹⁵ Trần Hữu Dũng (2003): *Sở hữu trí tuệ, Kinh tế mở và Phát triển*, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế số 4/2003.

¹⁶ Các quốc gia: Bangladesh (BGD); Trung Quốc (CHN); Hồng Kông (HKG); Indonesia (IND); Ấn Độ (IDN); Nhật Bản (JPN); Kazacstan (KAZ); Malaysia (MYS); Nepal (NPL); Pakistan (PAK); Philipines (PHL); Singapore (SGN); Thái Lan (THA); Việt Nam (VNM).

¹⁷ Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI, 2011.

¹⁸ Nằm trong khuôn khổ đề tài Quỹ Nafosted: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về khai thác tài sản trí tuệ nhằm phát triển nền kinh tế xanh của Việt Nam*, do TS Hồ Thủy Ngọc làm chủ nhiệm đề tài, email: ngocht@ftu.edu.vn.

của Singapore và Hàn Quốc năm 2003, hai quốc gia này đã đưa ra chính sách về bảo hộ quyền sở hữu nhằm khuyến khích sự chủ động của các sáng chế mang tính chất liên doanh, vừa khuyến khích sáng chế của các doanh nghiệp nội địa, vừa khuyến khích doanh nghiệp nước ngoài¹⁹. Đây là một chính sách tốt mà Việt Nam nên tham khảo.

Kết quả cũng cho thấy đầu tư nước ngoài và mức độ mở cửa nền kinh tế là một môi trường tốt khuyến khích tăng trưởng kinh tế ở các nước châu Á. Ở Việt Nam, thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cũng đóng góp một phần cấu thành của nền kinh tế với đóng góp vào GDP với tỷ trọng ngày càng cao (Vũ Quốc Huy, 2015). Tuy nhiên, để khuyến khích và thu hút đầu tư nước ngoài cũng như mức độ mở cửa nền kinh tế trong các lĩnh vực kinh tế nói chung và kinh tế xanh nói riêng lại đòi hỏi có chế độ về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cao. Vì vậy, không thể phủ nhận hoàn toàn vai trò của quyền sở hữu trí tuệ trong khuyến khích tăng trưởng kinh tế. Đặc biệt trong xu hướng chung của quốc tế và khu vực về tăng trưởng xanh, quyền sở hữu trí tuệ là một nhân tố quan trọng nhằm định hướng tăng trưởng bền vững ở các quốc gia. Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và các văn bản quan đến quyền sở hữu trí tuệ có quy định rõ về mức độ xử lý vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là mức độ bồi thường và khắc phục hậu quả đối với các sản phẩm hoặc hành vi gây thiệt hại đến sức khỏe người tiêu dùng, là ô nhiễm môi trường sống và hủy hoại tài nguyên thiên nhiên. Có thể nhận định rằng, trong ngắn hạn quyền sở hữu trí tuệ có thể tác động tiêu cực đến tăng trưởng, nhưng trong dài hạn, quyền sở hữu trí tuệ là một nhân tố quan trọng, quyết định tăng trưởng kinh tế bền vững ở mọi quốc gia. Do đó, khi định hướng tăng

trưởng xanh, Việt Nam phải tiếp cận quyền sở hữu trí tuệ dựa trên sự kết hợp giữa tư duy kinh tế và tư duy pháp lý, tức là ý thức đến sự đánh đổi giữa những mục tiêu tăng trưởng xanh đặt ra để có những chính sách qui định phù hợp như cân nhắc nên tăng cường quyền sở hữu trí tuệ vào công nghiệp nào, nên bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ khắt khe đến mức nào trong từng lĩnh vực.

Hơn nữa, với Quyết định 1393/QĐ-TTg Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/09/2012, với 3 chỉ tiêu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đó là, tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành hiện có và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao; nghiên cứu, ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo nhiều việc làm từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ xanh, đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển hạ tầng xanh. Vai trò của FDI lại càng quan trọng hơn trong việc thu hút vốn, nguồn nhân lực và công nghệ cao từ các nước phát triển. Muốn vậy, Việt Nam phải đẩy mạnh hơn nữa quyền sở hữu trí tuệ, đảm bảo cho các nhà đầu tư có môi trường cạnh tranh lành mạnh nhằm thu hút, và hỗ trợ đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực kinh tế xanh mà Nhà nước đang khuyến khích hoặc tăng cường mở cửa nền kinh tế trong các lĩnh vực đó♦

¹⁹ Theo báo cáo của WIPO năm 2003.

Tài liệu tham khảo:

1. "Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights": *Thỏa Thuận về Những phương diện của Quyền sở hữu trí tuệ liên hệ đến thương mại*.
2. Barton, J. H. (2002): *Integrating intellectual property rights and development policy: Report of the commission on intellectual property rights*. Commission on Intellectual Property Rights.
3. Boldrin, M., & Levine, D. K. (2002): *The case against intellectual property*.
4. G. M., & Helpman, E. (1991): *Innovation and Growth in the Global Economy*. Innovation and Growth in the Global Economy.
5. Greenspan, A. (2004): *Intellectual property rights*. Stanford Institute for Economic Policy Research Economic Summit. Stanford, California. Grossman,
6. Horii, R., & Iwaisako, T. (2007): *Economic growth with imperfect protection of intellectual property rights*. Journal of Economics, 90(1), 45-85. <http://internationalpropertyrightsindex.org>, truy cập ngày 30/12/2015.
7. Kanwar, S. (2006): *Innovation and intellectual property rights*. Centre for Development Economics, Delhi School of Economics in its series Working paper, (142).
8. Kumar, N., & Pradhan, J. P. (2002): *Foreign direct investment, externalities and economic growth in developing countries: Some empirical explorations and implications for WTO negotiations on investment*. RIS Discussion Papers, 27, 2002.
9. Park, W. G., & Ginarte, J. C. (1997): *Intellectual property rights and economic growth*. Contemporary Economic Policy, 15(3), 51-61.
10. Shapiro and Hassett, (2005): *What Ideas are worth: the value of Intellectual Capital and Intangible Asset in the American Economy*, Sonecon
11. Taylor, M. S. (1994): *TRIPS, trade, and growth*. International Economic Review, 361-381.
12. Trần Hữu Dũng (2003): *Sở hữu trí tuệ, Kinh tế mở và Phát triển*. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế số 299
13. UNDESA (2012): *A Guidebook to Green Economy*.
14. Vũ Quốc Huy (2016): *Nâng tầm doanh nghiệp trong nước*, Báo nhân dân, http://www.nhandan.com.vn/mobile/_mobile_kinhte/_mobile_nhandinh/item/26066702.html truy cập ngày 04/01.
15. Vũ Văn Hòa (2015): *Kinh tế xanh: Tiêu chí để định hình và chính sách phát triển*, Hội thảo Nafosted, Hà Nội tháng 4.
16. World Bank (2014): *World development indicators 2014*. Washington, DC: World Bank.
17. World Intellectual Property Organization (2003): *Intellectual Property – Power Tool for Economic Growth*, Geneva.